

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001-8 - Toán ứng dụng 1
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Viết	Tài	3371010411	29/10/1990	6,50	5,00	5,50	
2	Ngô Xuân	Hữu	3471010158	15/08/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
3	Huỳnh Quang	Minh	3471010210	11/08/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
4	Huỳnh Ngọc	Bảo	3475010013	05/03/1992	3,50	3,50	3,50	
5	Dương Công	Hậu	3475010070	07/07/1992	5,50	2,50	3,40	
6	Nguyễn Bùi Hoàng	Hải	3475010076	12/05/1992	,00	,00	,00	CT
7	Nguyễn Mậu Duy	Khải	3475010113	03/03/1992	,00	,00	,00	CT
8	Hoàng Nhật	Nam	3475010156	13/12/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
9	Nguyễn Trí	Nam	3571010224	12/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
10	Phùng Văn	Đạt	3571010587	19/09/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
11	Lê Quốc	Hùng	3571011283	05/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
12	Dương Hải	Đăng	3571011711	07/10/1993	5,00	2,00	2,90	
13	Phạm Minh	Tân	3571011759	05/10/1992	,00	,00	,00	CT
14	Nguyễn Thanh	Hoài	3575010468	09/03/1992	,00	,00	,00	CT
15	Võ Kiều	Minh	3575010586	24/02/1993	4,00	5,80	5,30	
16	Lê Hùng	Vĩ	3575010619	19/11/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
17	Nguyễn Uy	Tín	3575010774	14/02/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
18	Trần	Luận	3575010777	12/08/1993	9,00	7,00	7,60	
19	Nguyễn Tấn	Tú	3575010829	10/10/1993	8,00	3,50	4,90	
20	Lê Hoài Hải	Đăng	3575010831	22/08/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
21	Đoàn Thanh	Bình	3575010841	08/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
22	Bùi Đức	Trung	3575011105	09/08/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
23	Phạm Anh	Tuấn	3575011252	01/08/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
24	Trương Văn	Trường	3575031198	03/09/1993	,00			Nợ HP
25	Lê Anh	Dũng	3575031520	18/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
26	Nguyễn Công	Cầm	3575031540	26/04/1993	6,00	4,30	4,80	
27	Nguyễn Tiến	Lịch	3575031819	01/06/1992	3,00	8,00	6,50	
28	Phạm Lê Trung	Hiếu	3671030134	06/09/1993	7,50	4,00	5,10	
29	Nguyễn Bảo	Quốc	3671030138	17/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
30	Huỳnh Đông	Khoa	3671030279	10/02/1993	7,00	6,00	6,30	
31	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
32	Lê Hoàng	Sa	3671030319	22/04/1994	7,00	5,00	5,60	
33	Ngô	Hiếu	3671030322	02/06/1993	5,00	6,80	6,30	
34	Dương Thế	Huynh	3671030324	08/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
35	Trà Quốc	Bảo	3671030327	04/07/1994	7,50	7,50	7,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Huỳnh Ngọc Thanh	Hoàng	3671030331	23/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
37	Trần Nghĩa	Thảo	3671030352	14/10/1993	7,50	5,00	5,80	
38	Hồ Tuấn	Anh	3671030355	26/09/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
39	Trần Huy	Hoàng	3671030376	14/08/1994	7,50	6,50	6,80	
40	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	,00	,00	,00	CT
41	Nguyễn Phúc	Hậu	3671030409	14/10/1994	8,50	5,00	6,10	
42	Trần Công	Lịch	3671030440	17/07/1994	8,50	5,00	6,10	
43	Phạm Văn	Linh	3671030449	12/09/1994	10,00	3,00	5,10	
44	Trần Quang	Minh	3671030461	27/08/1994	7,50	3,30	4,60	
45	Võ Văn	Cương	3671030472	30/03/1994	,00	,00	,00	CT
46	Võ Văn	Vương	3671030478	15/12/1994	7,00	5,00	5,60	
47	Nguyễn Hoài	Sơn	3671030485	18/01/1994	8,00	3,50	4,90	
48	Phan Quang	Khoa	3671030496	07/06/1992	5,00	1,30	2,40	
49	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994	5,00	1,80	2,80	
50	Phan Nhật	Huy	3671030507	09/02/1994	8,00	8,00	8,00	
51	Lê Văn	Trãi	3671030510	23/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
52	Nguyễn Văn	Tĩnh	3671030518	04/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
53	Võ Trọng	Hữu	3671030519	03/01/1994	10,00	5,30	6,70	
54	Lê Quang	Trung	3671030650	12/03/1994	8,50	4,50	5,70	
55	Nguyễn Hoàng Đình	Kha	3671030685	10/06/1994	7,00	3,00	4,20	
56	Nguyễn Anh	Đức	3671030902	14/10/1994	7,00	6,00	6,30	
57	Nguyễn Hoàng	Phú	3671031099	24/12/1994	5,00	4,50	4,70	
58	Phan Thanh	Phúc	3671031273	01/09/1994	6,00	6,00	6,00	
59	Lê Phát	Sang	3671031278	13/12/1994	6,50	1,80	3,20	
60	Trần Ngọc Duy	Khương	3671031279	09/12/1993	8,00			Nợ HP
61	Nguyễn Nhật	Huy	3671031287	09/11/1994	6,50			Nợ HP
62	Trần Anh	Nhật	3671031290	04/11/1993	7,50	6,00	6,50	
63	Nguyễn Trọng	Vấn	3671031300	10/09/1994	5,00	6,00	5,70	
64	Nguyễn Văn	Bảo	3671031305	19/05/1994	1,00	1,30	1,20	
65	Nguyễn Tấn	Anh	3671031456	10/10/1994	7,50	7,00	7,20	
66	Lê Nhựt Vi	Quân	3671031464	11/04/1993	8,00	2,80	4,40	
67	Nguyễn Hữu	Tuấn	3671031484	27/09/1994	7,50	6,00	6,50	
68	Lê Văn	Hậu	3671031488	06/04/1993	5,50			
69	Trần Bình	Tâm	3671031492	02/09/1993	,00	,00	,00	CT
70	Nguyễn Viết	Sơn	3671031495	26/06/1993	5,00	2,30	3,10	
71	Tạ Anh	Phương	3671031497	22/05/1994	6,00	5,50	5,70	
72	Lê Hồng	Vũ	3671031499	26/01/1994	7,50	5,50	6,10	
73	Phạm Đình	Tuấn	3671031504	19/04/1994	6,50	5,00	5,50	
74	Nguyễn Văn	Hải	3671031514	02/06/1994	8,50	3,30	4,90	
75	Nguyễn Công	Hiếu	3671031550	12/09/1994	7,50	4,30	5,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Huỳnh Quang	Hiệp	3671031575	02/10/1994	7,00			
77	Trần Việt	Tiến	3671031590	15/09/1994	6,00	6,00	6,00	
78	Võ Chấn	Khang	3671031909	14/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
79	Trần Văn	Duẩn	3671040068	06/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
80	Vũ Minh	Hùng	3671040371	18/03/1994	6,00	5,50	5,70	
81	Hồ Công	Tuấn	3671040457	13/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
82	Lê Minh	Hoàng	3671040657	16/12/1994	7,00	6,00	6,30	
83	Nguyễn Tiến	Hải	3671040901	28/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
84	Nguyễn Trọng	Toàn	3671041106	17/01/1994	5,50			Nợ HP
85	Nguyễn Hồng	Toàn	3671041208	26/11/1992	6,00	,80	2,40	
86	Nguyễn Hữu	Tiến	3671041652	22/08/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
87	Trần Trung	Hiếu	3671041929	11/11/1994	5,00	5,00	5,00	
88	Nguyễn Văn	Sang	3671041930	06/06/1992	5,00	6,50	6,10	
89	Võ Trung	Trực	3671051633	25/01/1994	5,00	2,30	3,10	
90	Nguyễn Đình	Duy	3672050548	01/01/1993	8,00	4,50	5,60	
91	Đỗ Văn	Chung	3672050644	20/08/1994	,00	,00	,00	CT
92	Hạ Quang	Đức	3672050926	24/10/1993	7,50	4,50	5,40	
93	Trần Bá	Thịnh	3672050962	09/03/1994	8,00	4,00	5,20	
94	Nguyễn Hoài	Nam	3672051274	11/03/1994	4,00	4,50	4,40	
95	Đặng Văn	Thiện	3672051480	20/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)